TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 18-7-2022

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa
2. Ông K’ Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Thu Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông K’ Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Th , sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 49 thôn 4, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông K’ D , sinh năm 1970, bà Ka H , sinh năm 1971 (Đã chết).

Địa chỉ: Số 206 thôn 5B, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Ka H :

1. Anh K’ D , sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

2. Chị Ka H , sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

3. Anh K' D , sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 5B, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

4. Chị Ka H , sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 5B, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Ông Th , ông D , anh D và chị H có mặt, anh D , chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Th trình bày:

Năm 2012 cửa hàng mua bán phân bón Thanh Bình do ông làm chủ có làm ăn với vợ chồng ông K' D , bà Ka H . Đến ngày 01-3-2013 hai bên đối chiếu và xác nhận nợ vợ chồng ông D , bà H còn nợ ông số tiền 171.996.000đ, lãi thỏa thuận 2%/ tháng. Từ đó đến nay vợ chồng ông D , bà H không trả cho ông số tiền trên. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng bà H trả số tiền nợ gốc 171.996.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01-3-2013 đến ngày 18-7-2022 là 112,6 tháng với mức lãi suất 1,15%/ tháng thành tiền 222.717.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 394.713.000đ.

Bị đơn ông D trình bày: Vào thời điểm vợ ông còn sống, vợ chồng ông có vay mượn tiền của ông Th nhiều lần, tổng số tiền nợ là 67.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Trong quá trình vay mượn vợ chồng ông bà có trả cho ông Th số tiền ngày 12-02-2012 là 20.0000.000đ và ngày 01-3-2013 trả 30.000.000đ khi trả cũng không làm giấy tờ gì. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền cả gốc và lãi 394.713.000đ thì không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền 171.996.000đ và xin trả dần còn tiền lãi không đồng ý.

Anh D trình bày: Anh lập gia đình từ năm 2010 nên việc bố mẹ anh nợ ông Th như thế nào thì không biết, nay mẹ anh đã mất ông Th yêu cầu bố anh và anh em của anh trả số tiền gốc và lãi 394.713.000đ thì không đồng ý, thống nhất với ý kiến của bố chỉ trả số tiền 171.996.000đ, không đồng ý trả lãi.

Chị H trình bày: Vào thời điểm bố mẹ của chị vay mượn của ông Th thì 04 anh chị em vẫn còn nhỏ nên không biết rõ chi tiết về khoản vay giữa bố mẹ chị và ông Th và vay gì, khoản nợ mà bố mẹ chi vay là bao nhiêu? Anh em chị chỉ nghe qua lời kể của bố mẹ nên không có bằng chứng cho Tòa án xem xét. Qua lời kể của bố mẹ thì bố mẹ có mượn của ông Th số tiền 5.105.000đ; thuốc

05 chai 275.000đ, số tiền nợ 32.356.000đ, cà phê chốt giá 25.000đ của 667,7kg thành tiền 23.366.000đ, ứng cà phê 250kg ngày 07-7-2008 giá 21.000đ thành tiền 1.050.000đ. ngày 04-8-2008 ứng 100kg với giá 24.000đ thành tiền 2.400.000đ, ngày 27-8-2008 ứng 50 kg với giá 25.000đ thành tiền 1.250.000đ, tháng 9 năm 2008 ứng tiếp với giá 25.000đ thành tiền 2.500.000đ, ứng 30 kg với giá 26.000đ thành tiền 780.000đ, ngày 08-9-2008 ứng 20 kg với giá 26.000đ thành tiền 520.000đ, tổng cộng là 6.000.000đ. Tổng số tiền ông Th là 67.702.000đ và có trả cho ông Thuỷ 50.000.000đ. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu ông D cùng với anh em chị trả số tiền gốc và lãi 394.713.000đ thì không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền 171.996.000đ, không đồng ý trả lãi.

Anh D vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 29-6-2022 anh D trình bày: Theo như lời kể của bố mẹ anh thì vào thời điểm đó bố mẹ anh vay của ông Th số tiền 67.000.000đ, Vào ngày 12-02-2012 có trả cho ông Th 20.000.000đ, ngày 01-3-2013 trả 30.000.000đ. Đến nay ông Th bảo trả gốc 171.996.000đ và lãi. Theo như lời bố mẹ kể chỉ vay 67.000.000đ nên đề nghị Tòa án xem xét cho gia đình anh trả số tiền 171.996.000đ còn lãi không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh K' D , chị Ka H người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Xuân Th Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy viết tay ghi ngày 16 tháng 7 năm 2012, có ký xác nhận nợ ghi họ tên K' D , Ka H do ông Th giao nộp cho Tòa án nội dung thể hiện ngày 16-7-2012 hòa giải tại tư pháp UBND xã Đinh Trang Hòa đến ngày 21-6-2012 , số tiền ông D . bà H nợ tới ngày 21-6-2012 là 173.239.000đ, lãi suất 2,5 %/ tháng tính từ ngày 21-06-2012. Đến ngày 01-3-2013 vợ chồng ông D , bà H còn nợ số tiền 171.996.000đ, lãi thỏa thuận 2%/ tháng tính từ ngày 01-3-2013 có ông D ký xác nhận. Ông D và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng cho rằng chỉ vay của ông Th tổng số tiền 67.702.000đ và đã trả được 50.000.000đ

nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh, trong khi đó Ông Nguyễn Xuân Th lại không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét lời trình bày của ông D và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ka Hối. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông D và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ka Hối trả số tiền nợ gốc 171.996.000đ, thì ông D và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ka hối cũng đồng ý trả số tiền 171.996.000đ nhưng không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông D vay của Ông Nguyễn Xuân Th và còn nợ số tiền 171.996.000đ là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Ông Th yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,15%/tháng trên số tiền nợ 171.996.000đ, từ ngày 01-3-2013 đến ngày 18-7-2022 là 112,6 tháng thành tiền là 222.717.000đ. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật, căn cứ Điều Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Xuân Th buộc ông K' D và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Ka Hối là anh K' D , chị Ka H , chị Ka H , anh K' D có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền còn nợ là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông D , anh D , anh D , chị H , chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 394.713.000đ x 5% = 19.735.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463; Điều 466; Điều 357, Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Xuân Th về việc *"*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"*. Buộc ông K' D , anh K' D , chị Ka H , chị Ka H và anh K' D có trách nhiệm thanh toán trả cho Ông Nguyễn Xuân Th số tiền 394.713.000đ (Ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Trong đó tiền gốc 171.996.000đ và tiền lãi 222.717.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: Ông D , anh D , anh D , chị H , chị H phải chịu 19.735.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Nguyễn Xuân Th số tiền 9.685.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014694 ngày 28-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đòng đề yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' My Na